TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2025/HS - ST.
Ngày: 15 - 9 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Phương Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông Đinh Quang Trung;

+ Ông Dương Văn Nhuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Lê Vy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 17/2025/TLST - HS ngày 22 tháng 7 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2025/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 8 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Trường A**, sinh ngày: 19/5/2002, tại: Bình Thuận; nơi đăng ký TT: Xóm A, thôn B, xã T, Tx. L, Bình Thuận (nay là xã T), tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn M, con bà Nguyễn Thị Kim H; vợ/con: Chưa.

Tiền án, Tiền sự: không.

Bị bắt tạm giam ngày 30/12/2024, hiện đang bị tạm giam Phân trại tạm giam khu vực số 1 - trại tạm giam số 1 - Công an tỉnh L.

2. Họ và tên: **Nguyễn Đức H1**, tên gọi khác: Lỳ, sinh ngày: 12/9/1987, tại: Lâm Đồng; nơi đăng ký TT: Số A Bis Đ, phường D, thành phố Đ (nay phường X - Đ), tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức Khánh H2 và bà Huỳnh Thị N; vợ, con: Chưa có.

Tiền sự: Không.

Tiền án: 02 tiền án.

- Ngày 15/8/2018, bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 97/HS-ST, chấp hành án xong ngày 24/10/2018, đóng án phí ngày 01/12/2020.

- Ngày 01/02/2021, bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt xử phạt 03 năm tù

về tội "Trộm cắp tài sản" theo Bản án số 20/HS-ST, chấp hành án xong ngày 19/1/2023, đóng án phí ngày 24/8/2021.

Nhân thân:

Ngày 29/3/2013 bị Ủy ban nhân dân thành phố Đ, Lâm Đồng ra quyết định đưa đi cai nghiện bắt buộc tại T tỉnh Lâm Đồng. Chấp hành xong ngày 10/2/2015.

Bị bắt tạm giam ngày 30/12/2024, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực số A - trại tạm giam số 1 - Công an tỉnh L.

3. Họ và tên: **Bàn Văn P**, sinh ngày: 01/01/1987, tại: Thanh Hóa; nơi đăng ký TT: Thôn H, xã Q, huyện N, (nay là xã T) tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Thợ hồ; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bàn Văn T và bà Phạm Thị Đ; vợ là Phạm Thị D; có 01 người con sinh năm 2008.

Tiền án, Tiền sự: không.

Bị bắt tạm giam ngày 30/12/2024, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực số A - trại tạm giam số 1 - Công an tỉnh L.

Các bị cáo có mặt tại phiên toà.

*** Người bị hại:**

1. Ông Vũ Kim T1, sinh năm: 1988; nơi cư trú: Thôn A, R, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

2. Ông Hồ Anh Đ1, sinh năm: 2000; nơi cư trú: Ấp L, T, xã L, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

3. Bà Trần Thị Kim D1, sinh năm: 2002; nơi cư trú: T, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

4. Ông Trần Hữu T2, sinh năm 2000; cư trú tại: Số G N, phường X - Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Lưu Vĩnh T3, sinh năm: 1978; nơi cư trú: Thôn T, xã C, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

2. Ông Quách Công N1, sinh năm: 2001; nơi cư trú: Số I N, phường C - Đ, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Văn H3, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn G, A, T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

4. Bà Ka C, sinh năm 2001; nơi cư trú: Đạ Hang L, L, Bảo L1 (nay là xã B), Lâm Đồng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài cá nhân nên Nguyễn Trường A đã 04 lần cùng đồng phạm trộm cắp tài sản, Nguyễn Đức H1 02 lần cùng đồng phạm trộm cắp

tài sản; Bàn Văn P 02 lần cùng đồng phạm trộm cắp bằng hình thức trộm cắp xe mô tô trên địa bàn thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng để bán lấy tiền, cụ thể như sau:

Lần 1: Vào khoảng 00 giờ 30 ngày 20/12/2024, Nguyễn Đức H1 rủ Nguyễn Trường A đi tìm kiếm xe mô tô trộm cắp thì A đồng ý. Thực hiện ý định, H1 điều khiển xe mô tô hiệu Honda Wave không rõ biển kiểm soát chở A đi các tuyến đường tìm kiếm tài sản lấy trộm. Khoảng 03 giờ 00 cùng ngày, cả hai đi đến số B đường P, phường X - Đ, Lâm Đồng nhìn thấy 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ, BKS: 49C1-063.18 dựng ở trước cửa nhà không có người trông coi. Lúc này, A ngồi trên xe cảnh giới còn H1 xuống xe đi đến vị trí chiếc xe hiệu Sirius, BKS: 49C1-063.18, dùng vam phá khóa cổ của xe rồi điều khiển xe mô tô Sirius BKS: 49C1-063.18, A điều khiển xe Wave tẩu thoát. Tài sản không thu giữ được.

Người bị hại: Ông Vũ Kim T1, sinh năm: 1988, nơi cư trú: Thôn A, R, Đ (nay là xã Đ), Lâm Đồng. Gia đình bị cáo H1 đã bồi thường cho ông T1 8.000.000 đồng (kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐGTS ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Đ xác định xe mô tô trên trị giá 10.500.000 đồng). Ông T1 không có yêu cầu gì.

Lần 2: Sau khi lấy trộm được xe mô tô hiệu Sirius, BKS: 49C1-063.18, Nguyễn Đức H1 rủ Nguyễn Trường A đi đến khu liên hiệp thể thao tại phường L - Đ cất xe Wave rồi điều khiển xe mô tô hiệu Sirius, màu đỏ, BKS: 49C1-063.18 trộm được, tiếp tục đi tìm kiếm tài sản trộm cắp. Khoảng 04 giờ 30 cùng ngày, cả hai đi đến địa chỉ số F N, phường X - Đ nhìn thấy 01 xe hiệu Yamaha Janus, BKS: 49G1-427.14, không khóa cổ, không có người trông coi. Lúc này, A đi đến ngồi lên xe J còn H1 điều khiển xe Sirius, BKS: 49C1-063.18 dùng chân đạp vào phần gác chân bên trái của xe J1 rồi đẩy đi. Cả hai điều khiển xe đi về đường H, phường X - Đ thì dừng lại. H1 dùng tay đấu nối dây điện để khởi động xe Janus rồi tháo biển số 49G1-427.14 của xe Janus vứt ở bụi cây gần đó. Đến sáng cùng ngày, H1 bán xe mô tô hiệu Sirius, màu đỏ, BKS: 49C1-063.18 nói trên cho người không rõ nhân thân lai lịch tại Đ với giá 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng). Sau đó, H1 chia cho A 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) và cả hai đã tiêu xài cá nhân hết. Còn xe mô tô hiệu Yamaha Janus, BKS: 49G1-427.14, H1 thay đổi màu xe rồi sử dụng xe này làm phương tiện đi lại.

Vật chứng thu được: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Janus, BKS: 49G1-427.14, đã qua sử dụng.

Người bị hại là ông Hồ Anh Đ1, sinh năm: 2000, nơi cư trú: Ấp L, L, Chợ M (nay là xã L), An Giang. Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho ông Đ1. Gia đình bị cáo H1 đã bồi thường cho ông Đ1 4.000.000 đồng (kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐGTS ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Đ xác định xe mô tô trên trị giá 12.500.000 đồng). Ông Đ1 không có yêu cầu gì.

Tổng giá trị tài sản mà Nguyễn Đức H1 và Nguyễn Trường A trộm cắp được là 23.000.000 đồng.

Lần 3: Vào tối ngày 26/12/2024, Nguyễn Trường A mang theo một bộ vam phá khóa đi đến phòng trọ của Bàn Văn P tại phòng trọ địa chỉ I N, phường C - Đ rủ P đi tìm kiếm xe mô tô trộm cắp thì P đồng ý. Khoảng 20 giờ 00 cùng ngày, A điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển số: 36K5-342.49 chở theo P qua các tuyến đường khác nhau để tìm kiếm xe mô tô trộm cắp. Đến khoảng 21 giờ 45 cùng ngày, khi cả hai đi đến trước khách sạn N2, địa chỉ: F Đ, phường X - Đ, tỉnh Lâm Đồng phát hiện 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen, BKS: 49H1-529.33 đang dựng ngoài sân khách sạn, không có người trông coi. Thấy vậy, P đứng cảnh giới, còn A đi đến vị trí chiếc xe Sirius, BKS: 49H1-529.33, dùng vam phá khóa, rồi leo lên xe nổ máy điều khiển xe chạy đi. Cả hai điều khiển xe mô tô đi về phòng trọ của P cất giấu. Sau đó, P mang chiếc xe Sirius, BKS: 49H1-529.33 bán cho Lưu Vĩnh T3 với giá 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng). P chia cho A 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng) và cả hai đã tiêu xài cá nhân hết. Tài sản không thu giữ được.

Người bị hại là bà Trần Thị Kim D1, sinh năm: 2002, nơi cư trú: T, B, Đ (nay là xã Đ), Lâm Đồng. Chiếc xe trên là do bà D1 mượn của bà Ka C, sinh năm 2001; cư trú tại: Thôn E, L, B (nay là B), Lâm Đồng. Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 60/KL-HĐĐGTS ngày 06 tháng 06 năm 2025 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Đ xác định xe mô tô trên giá trị là 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng). Chị D1 yêu cầu Nguyễn Trường A và Bàn Văn P bồi thường số tiền 14.000.000 đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan: Bà Ka C yêu cầu bà D1 phải bồi thường số tiền 14.000.000 đồng là giá trị xe mô tô bị mất.

Lần 4: Vào khoảng 16 giờ 00, ngày 28/12/2024, Nguyễn Trường A mang theo một bộ vam phá khóa đi đến phòng trọ của Bàn Văn P tại phòng trọ địa chỉ I N, phường C - Đ, Lâm Đồng rủ P đi tìm kiếm xe mô tô trộm cắp thì P đồng ý. Đến khoảng 18 giờ 30 cùng ngày, A điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển số: 36K5-342.49 (mượn của Quách Công N1) chở P đi tìm kiếm xe mô tô trộm cắp. Khi cả hai đi đến trước phòng trọ, địa chỉ: G N, phường X - Đ, Lâm Đồng phát hiện 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu xám đen, BKS: 36B7-082.57 dựng ở trong sân, không có người trông coi. P đứng cảnh giới còn A đi đến vị trí chiếc xe Sirius, BKS: 36B7-082.57, dùng vam phá khóa, rồi leo lên xe nổ máy điều khiển xe chạy đi. Khi tới đường Đ, phường X - Đ, A thấy có một nhà trọ nên mang xe Sirius, BKS: 36B7-082.57 đi vào trong sân cất giấu. Tiếp đó, A đón xe G về phòng trọ nói cho P biết đã mang xe Sirius, BKS: 36B7-082.57 đi cất giấu, P tìm người để tiêu thụ nhưng chưa bán được xe này. Khi phát hiện bị mất trộm tài sản, anh T2 đã đến Cơ quan Công an trình báo sự việc.

Vật chứng đã thu giữ:

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu xám đen, BKS: 36B7-082.57.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu xám đen cam, BKS: 36K5-342.49.

- 01 (một) cờ lê 10 bằng kim loại dài khoảng 10cm; 01 (một) chụp khóa 8 bằng kim loại hình chữ "L", dài khoảng 05cm; 01 (một) thanh kim loại hình lục giác dài khoảng 5cm, 01 đầu được mài dẹp, mũi nhọn.

Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu xám đen, biển số: 36B7-082.57 thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn H3; ông H3 cho ông Trần Hữu T2 mượn. Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Nguyễn Văn H3 chiếc xe trên. Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 03/KL-HĐĐGTS ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Đ, xác định xe mô tô trên có giá trị 13.500.000 đồng (mười ba triệu năm trăm ngàn đồng).

Tổng giá trị tài sản Nguyễn Trường A và Bàn Văn P trộm cắp được là 27.500.000 đồng.

Bản cáo trạng số 11/CT-VKSKV1 - LĐ ngày 18/7/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lâm Đồng đã truy tố các bị cáo:

- Bị cáo Bàn Văn P, về tội "Trộm cắp tài sản", quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự;

- Bị cáo Nguyễn Trường A, về tội "Trộm cắp tài sản", quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự;

- Bị cáo Nguyễn Đức H1 về tội "Trộm cắp tài sản", quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Các bị cáo không thắc mắc, khiếu nại gì nội dung bản cáo trạng, không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lâm Đồng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung Bản cáo trạng số 11/CT-VKSKV1 - LĐ ngày 18/7/2025 và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo, riêng bị cáo H1 được áp dụng thêm điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Trường A, Nguyễn Đức H1, Bàn Văn P.

Xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Đức H1 từ 30 tháng tù, đến 36 tháng tù.

- Bị cáo Nguyễn Trường A từ 24 tháng tù, đến 30 tháng tù.

- Bị cáo Bàn Văn P từ 15 tháng tù, đến 18 tháng tù.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát và nói lời nói sau cùng là xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên toà, các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các chứng cứ, tài liệu được thu thập và cung cấp theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tố tụng: Những người bị hại và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt, xét thấy trong quá trình điều tra, những người vắng mặt đã nhận tài sản và không có yêu cầu gì nên việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với ông Lưu Vĩnh T3, là người nộp lại cho Cơ quan điều tra chiếc xe, không đúng với chiếc xe trong vụ án, đến nay cơ quan điều tra tiếp tục xác minh; cơ quan điều tra sẽ xử lý khi đủ căn cứ.

[3]. Phân tích những chứng cứ xác định có tội, không có tội của các bị cáo.

Tại phiên toà các bị cáo Nguyễn Trường A, Nguyễn Đức H1, Bàn Văn P khai nhận:

Đêm ngày 20/12/2024 bị cáo A và bị cáo H1 (Lỳ) trộm chiếc xe Yamaha hiệu Sirius biển số 49C1 – 06318 của ông Võ Kim T4, xe để ở số B P, phường X - Đ. H1 đã bán chiếc xe cho người không rõ lai lịch được 2.500.000 đồng, H1 cho A 200.000 đồng, số còn lại H1 sử dụng hết.

Sau khi lấy được chiếc xe của ông T4 thì H1 và A tiếp tục lấy chiếc xe hiệu Janus, biển số của 49G1-427.14 ông Hồ Anh Đ1, xe để ở số F N, phường X - Đ, sau khi lấy thì H1 thay đổi màu sơn, dùng làm phương tiện đi lại. Khi bị phát hiện thì H1 đã giao nộp cho cơ quan điều tra – Công an tỉnh L. Chiếc xe đã được trả lại cho ông Hồ Anh Đ1.

Vào ngày 26/12/2024 A và P trộm chiếc xe Yamaha Sirius biển số 49H1 – 529.33 của bà Trần Thị Kim D1, xe dựng ở trước khách sạn N2, số F Đ, phường X - Đ. Sau khi trộm được xe thì P đã bán chiếc xe cho Lưu Vĩnh T3 được 1.500.000 đồng, P cho A 500.000 đồng, số còn lại do P Sử dụng.

Ngày 28/12/2024 A và P chở nhau trên chiếc xe biển số 36K5 – 342.49, xe An mượn của Quách Công N1 đi trộm chiếc xe 36B7 – 08257, xe dựng trước phòng trọ tại địa chỉ số G N, phường X - Đ, chiếc xe các bị cáo trộm là của ông Trần Hữu T2 mượn của ông Nguyễn Văn H3. Cơ quan Điều tra – Công an tỉnh L đã trả lại xe cho ông H3.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của những người bị hại, của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; biên bản xác định hiện trường ngày 22/3/2025; kết luận

của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận các bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản"; cụ thể: bị cáo Nguyễn Trường A phạm tội theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Đức H1 phạm tội theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự và bị cáo Bàn Văn P phạm tội theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự

[4]. Đánh giá tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm, liều lĩnh; phạm tội với lỗi cố ý, có sự chuẩn bị trước về công cụ phạm tội; đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương nên cần có mức án tương xứng với hành vi của bị cáo gây nên.

[5]. Đánh giá vai trò của từng bị cáo:

5.1. Bị cáo Nguyễn Trường A là người thực hiện 4 lần trộm cắp với tổng trị giá tài sản 50.500.000 đồng, trong đó có lần đi trộm với bị cáo P là do bị cáo rủ rê; tuy nhiên bị cáo là người có nhân thân tốt hơn bị cáo H1 nên xử phạt bị cáo mức án cao hơn bị cáo P và thấp hơn bị cáo H1.

5.2. Bị cáo Nguyễn Đức H1 là người rủ rê bị cáo A đi trộm 02 lần, giá trị tài sản trộm là 23.000.000 đồng; bị cáo là người có 02 tiền án về tội trộm cắp tài sản; từng đi cai nghiện ma túy bắt buộc; 02 lần đi trộm với A thì bị cáo là người chuẩn bị công cụ phạm tội. Do đó, cần xử phạt bị cáo với mức án cao nhất so với bị cáo A và bị cáo P.

5.2. Bị cáo Bàn Văn P khi được bị cáo A rủ đi trộm thì bị cáo cũng đồng ý và thực hiện 02 lần trộm cắp với giá trị tài sản là 27.500.000 đồng. Do đó, xử phạt bị cáo P mức án thấp nhất trong các bị cáo.

[6]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:

Quá trình điều tra các bị cáo Nguyễn Trường A, Nguyễn Đức H1, Bàn Văn P đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho các bị cáo. Riêng bị cáo H1 đã tác động gia đình bồi thường cho ông Vũ Kim T1 số tiền 8.000.000 đồng, bồi thường cho ông Hồ Anh Đ1 số tiền 4.000.000 đồng để khắc phục hậu quả; ông T1 và ông Đ1 có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo H1 theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7]. Về quyết định hình phạt: Hội đồng xét xử căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo; áp dụng một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo; cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian, nhằm để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[8]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có thu nhập ổn định, không có khả năng kinh tế, nên miễn hình phạt bổ sung phạt tiền được quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

[9]. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Trường A và bị cáo Bàn Văn P có trách nhiệm liện đới bồi thường cho bà Ka C (người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) giá trị của chiếc xe 49H1- 529.33 là 14.000.000 đồng (theo kết luận định giá). Cụ thể: Bị A và bị cáo P, mỗi người bồi thường là 7.000.000 đồng.

[10]. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu huỷ: 01 (một) cờ lê 10 bằng kim loại dài khoảng 10cm; 01 (một) chụp khóa 8 bằng kim loại hình chữ "L", dài khoảng 05cm; 01 (một) thanh kim loại hình lục giác dài khoảng 5cm, 01 đầu được mài dẹp, mũi nhọn.

[11]. Đối với những người bị hại và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thì:

[11.1]. Đối với ông Lưu Vĩnh T3 - là người đã mua xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen, BKS: 49H1-529.33 của Bàn Văn P. Quá trình điều tra xác định ông T3 không biết xe là tài sản do P phạm tội mà có nên không đủ cơ sở để xử lý ông T3 về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Ông T3 không yêu cầu Bàn Văn P phải bồi thường lại 1.500.000 đồng là số tiền đã mua xe của P và không có yêu cầu nào khác.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen, không gắn biển kiểm soát, số khung: TLCS5C640-CY885487, số máy: 5C64-88588, đã qua sử dụng thu giữ của ông Lưu Vĩnh T3, hiện chưa xác định được chủ sở hữu, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh L tách ra tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

[11.2]. Đối với Quách Công N1 - là chủ sở hữu hợp pháp của xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu xám đen cam, BKS: 36K5-342.49, đã cho Bàn Văn P mượn dùng làm phương tiện cùng A đi trộm cắp. Quá trình điều tra xác định ông N1 không biết việc P mượn xe mô tô để đi trộm cắp tài sản nên không có cơ sở xử lý đối với N1 về hành vi đồng phạm với P và A. Ông N1 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì.

[11.3]. Các ông Vũ Kim T1 và Hồ Anh Đ1 đã nhận lại tài sản và tiền bồi thường thiệt hại do gia đình bị cáo H1 bồi thường; ông T1 và ông H1 không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11.4]. Ông Nguyễn Văn H3 là chủ sở hữu chiếc xe Yamaha, hiệu Sirius, biển số 36B7 – 082.57, cho ông Trần Hữu T2 mượn xe và bị mất trộm ngày 28/12/2024; ông H3 đã nhận lại tài sản, cả ông H3 và ông T2 không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11.5]. Đối với bà Trần Thị Kim D1, là người mượn xe Yamaha, hiệu Sirius, biển số 49H1 – 529.33 của bà Ka C, Hội đồng xét xử đã nhận định về xử lý trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo như ở mục [9] nêu, bà D1 không có ý kiến gì thêm nên không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Trường A, Nguyễn Đức H1 và Bàn Văn P phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

- Căn cứ vào Điều 38; Điều 58; điểm s khoản 1, Điều 51; điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường A, 3 năm 06 tháng tù (ba năm sáu tháng), thời hạn tù tính từ ngày 30/12/2024.

- Căn cứ vào Điều 38; Điều 58; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Xử phát bị cáo Nguyễn Đức H1, 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/12/2024.

- Căn cứ vào Điều 38; Điều 58; điểm s khoản 1, Điều 51; khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Bàn Văn P, 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/12/2024.

2. Về Hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

3. Giao cho cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh L tiếp tục các minh là rõ đối với chiếc xe Yamaha Sirius, màu đen, không gắn biển kiểm soát, số khung: TLCS5C640-CY885487, số máy: 5C64-88588, do ông Lưu Vĩnh T3 nộp.

4. Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Nguyễn Trường A, Bàn Văn P bồi thường cho bà Ka C số tiền là 14.000.000 đồng; cụ thể: Mỗi bị cáo phải bồi thường là 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng).

5. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu huỷ: 01 (một) cờ lê 10 bằng kim loại dài khoảng 10cm; 01 (một) chụp khóa 8 bằng kim loại hình chữ "L", dài khoảng 05cm; 01 (một) thanh kim loại hình lục giác dài khoảng 5cm, 01 đầu được mài dẹp, mũi nhọn – theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/7/2025 giữa Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh L với Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Lâm Đồng (BL 394).

6. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Nguyễn Trường A, Nguyễn Đức H1 và Bàn Văn P mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Trường A và bị cáo Bàn Văn P, mỗi bị cáo phải chịu 350.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo và đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo; đối với người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo trong hạn 15

ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 1 - Lâm Đồng;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Lâm Đồng;
- Trại tạm giam số 1/Phân trại tạm giam số 1 - Công an tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Lâm Đồng;
- Phòng PV 06 (Công an tỉnh Lâm Đồng);
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Bộ phận theo dõi thi hành án phạt tù;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Phương Dung